Tuần:

Tiết:

Ngày dạy:

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT – BÀI 4: SẮC THÁI CỦA TIẾNG CƯỜI (TRUYỆN CƯỜI)**

**(1 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.

- Nêu được chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.

***2. Về phẩm chất:***

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với bản thân trong việc sử dụng nghĩa tường minh và hàm ẩn; từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.

***3. Về năng lực:***

***3.1. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

***3.2. Năng lực đặc thù***

- **Năng lực ngôn ngữ:**

+ Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.

**- Năng lực văn học:**

+ Nêu được chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương; vận dụng được một số thành ngữ, tục ngữ thông dụng trong giao tiếp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Đọc kĩ SGK, SGV, máy chiếu, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Đọc, tìm hiểu bài: Thực hành Tiếng Việt ( SGK – 87-88). Trả lời các phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠYHỌC:**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS kết nối với kiến thức đã học, khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã học để trả lời các câu hỏi về từ Hán Việt đã học để củng cố bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ. (GV)**

*GV cho HS chơi trò chơi “Nhìn hình đoàn chữ”.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ.**

Học sinh quan sát đoạn văn và nêu lên suy nghĩ của mình.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, chia sẻ ý kiến.

**B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

**GV**: Gọi đại diện HS trả lời.

**HS**:

- Đại diện trả lời câu hỏi.

- Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

*Câu 1. Quốc hội.*

*Câu 2. Quốc kì.*

*Câu 3. Gia cầm.*

*Câu 4. Mẫu tử.*

- Sau khi HS trả lời xong GV tái hiện và dẫn dắt vào tiết Thực hành Tiếng Việt để giúp HS hình thành kiến thức.

- Chốt kiến thức và chuyển sang mục sau.

**2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (27 phút)**

**2.1.Tìm hiểu về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn.**

**a. Mục tiêu:** Nắm vững tri thức về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu, vận dụng được một số thành ngữ, tục ngữ thông thường trong giao tiếp.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành phiếu bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ. (GV)**  Cho HS đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi trong phiếu học tập.  Tôi muốn thử sức nên nhìn mẹ tôi hỏi:  - Mẹ đưa bút thước cho con cầm.  Mẹ cúi đầu nhìn tôi với cặp măt âu yếm:  Thôi để mẹ cầm cũng được.  (?) Nêu hiểu biết của em về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu văn sau ?  **Phiếu học tập số 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | TT | Câu văn | Hàm ý | | 1 | *Mẹ đưa bút thước cho con cầm.* |  | | 2 | *Thôi để mẹ cầm cũng được.* |  |   (?) Qua tìm hiểu ở trên, em hãy cho biết: Thế nào là nghĩa tường minh? Thế nào là nghĩa hàm ẩn ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  **GV**: Gọi đại diện HS trả lời.  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi.  - Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Chốt kiến thức và chuyển sang mục sau. | |  |  |  | | --- | --- | --- | | TT | Câu văn | Hàm ý | | 1 | *Mẹ đưa bút thước cho con cầm.* | Mẹ hãy để con tự thử sức. | | 2 | *Thôi để mẹ cầm cũng được.* | Không đồng ý vì nghĩ con còn nhỏ, chưa đủ sức, phải có mẹ giúp đỡ. |   **Phiếu học tập số 1:**  **-** *Nghĩa tường minh* là phần thông báo được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu, là loại nghĩa chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ.  *- Nghĩa hàm ẩn* là phần thông báo không được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn đề cập đến.  Ví dụ: *Có công mài sắt, có ngày nên kim.* (Tục ngữ)  - Nghĩa hàm ẩn thường được sử dụng trong sáng tác văn chương và trong đời sống hàng ngày. |

**2.2.Tìm hiểu về từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.**

**a. Mục tiêu:** Nắm vững tri thức về chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương; vận dụng được một số thành ngữ, tục ngữ thông thường trong giao tiếp.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi về chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành phiếu bài tập, câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  **Phiếu học tập số 2:**  (?) Tìm từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân tương ứng trong đoạn lời bài hát, đoạn thơ sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | TT | Đoạn lời bài hát, đoạn thơ | Từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng | | 1 | Má trồng toàn những cây dễ thương  Nào là hoa, là rau, là lúa  Còn ba trồng toàn cây dễ sợ…  ( Vườn cây của ba- Phan Nhân) |  | | 2 | Tôi hỏi nội tôi: “Dừa có tự bao giờ?”  Nội nói: “ Lúc nội còn con gái  Đã thấy bóng dừa mát rượi trước sân”.  (Dừa ơi- Lê Anh Xuân) |  |   ? Qua phần tìm hiểu trên, em hãy cho biết: Thế nào là từ ngữ địa phương? Thế nào là từ ngữ toàn dân?  ? Chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và nêu lên chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm…  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá về phần trả lời của bạn.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi.  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho về phần trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - Nhận xét thái độ làm việc của HS.  - Đánh giá sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang phần thực hành. | **-** Từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân tương ứng :   |  |  |  | | --- | --- | --- | | TT | Đoạn lời bài hát, đoạn thơ | Từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng | | 1 | Má trồng toàn những cây dễ thương  Nào là hoa, là rau, là lúa  Còn ba trồng toàn cây dễ sợ…  (Vườn cây của ba- Phan Nhân) | - Má (mẹ)  - Ba (cha, bố) | | 2 | Tôi hỏi nội tôi: “Dừa có tự bao giờ?”  Nội nói: “ Lúc nội còn con gái  Đã thấy bóng dừa mát rượi trước sân.  (Dừa ơi- Lê Anh Xuân) | - Nội ( bà nội) |   *- Từ ngữ toàn dân* là từ ngữ được toàn dân biết, chấp nhận và sử dụng rộng rãi trong giao tiếp.  *- Từ ngữ địa phương* là từ ngữ chỉ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định.  - Trong các tác phẩm văn chương, điện ảnh, từ ngữ địa phương được dùng như một phương tiện tu từ với mục đích tô đậm màu sắc địa phương và làm cho nhân vật trở nên chân thật hơn, sinh động hơn.  Ví dụ: *Dừng lại đây hắt một mớ chim đi, tía!* (Đoàn Giỏi, Đấ*t rừng phương Nam)*  Ở ví dụ trên, màu sắc Nam Bộ hiện ra rõ nét qua từ “tía” trong lời thoại của nhân vật. |

**2.3.Thực hành.**

**a. Mục tiêu:** Nắm vững tri thức về chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương; vận dụng được một số thành ngữ, tục ngữ thông thường trong giao tiếp.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi về chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành phiếu bài tập, câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ.**   1. Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong các trường hợp sau đây:   *a.- Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?*  *- Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!*  (Truyện cười dân gian Việt Nam, *Khoe của)*   1. - *Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước đúng. Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?*   (Truyện cười dân gian Việt Nam, *Con rắn vuông)*   1. Đọc lại truyện *vắt cổ chày ra nước* và thực hiện các yêu cầu sau: 2. Xác định nghĩa hàm ẩn trong câu nói: *“Thế thì tao cho mượn cái này!”* của người chủ nhà. Nghĩa hàm ẩn này được thể hiện trong câu nói nào sau đó? 3. Người đày tớ thực sự muốn nói gì qua câu: *“Hay là ông cho tôi mượn cái chày giã cua vậy!”?* 4. Sau khi đọc xong truyện cười này, em hiểu thế nào về thành ngữ *vắt cổ chày ra nước?* Đặt câu có sử dụng thành ngữ này. 5. Đọc truyện cười *Văn hay* trong mục *Đọc mở rộng theo thể loại* và thực hiện các yêu cầu sau: 6. Câu nói của người vợ: “Ông *lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?"* có nghĩa hàm ẩn gì? 7. Thầy đồ có hiểu đúng câu nói của vợ mình hay không? Dựa vào đâu em biết điều đó? 8. Theo em, nghĩa hàm ẩn do người nói/ người viết tạo ra và nghĩa hàm ẩn do người nghe/ người đọc suy ra có phải lúc nào cũng trùng nhau không? Vì sao? 9. Sưu tầm ít nhất một truyện cười có nghĩa hàm ẩn và phân tích nghĩa hàm ẩn có trong (các) truyện cười đó. 10. Các từ ngừ in đậm dưới đây được sử dụng ở vùng miền nào? Chúng có tác dụng gì trong việc biểu đạt giá trị của tác phẩm? 11. *Quả tôi nom thấy con rắn dài đúng hai mươi thước không kém một tấc, một phân nào!*   (Truyện cười dân gian Việt Nam, *Con rắn vuông)*   1. *Khoai sắn tình quê rất thiệt thà!*   (Tố Hữu, *Nhớ đồng)*   1. *Thò tay mà bứt cọng ngò*   *Thương em đứt ruột giả đò ngó lơ.*  (Ca dao)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và nêu lên chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm…  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá về phần trả lời của bạn.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi.  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho về phần trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - Nhận xét thái độ làm việc của HS.  - Đánh giá sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang phần Luyện tập.  ***\* GV có thể cho HS chơi trò chơi tiếp sức xen kẽ các bài tập.***  → Mỗi Đội tìm 5 từ ngữ địa phương thời gian 2 phút, các thành viên trong Đội thay phiên nhau ghi các từ ngữ địa phương lên bảng. Sau 2 phút, Đội nào ghi đúng được nhiều từ nhất thì Đội đó sẽ chiến thắng và nhận được 1 phần quà! | **-** Bài tập 1: Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong các trường hợp:   1. *Mục đích của người nói trong câu trên là khoe khoang: khoe con lợn cưới và chiếc áo mới. Chúng ta có thể nhận ra nghĩa hàm ẩn này là nhờ vào thông tin thừa (lợn “cưới”,từ lúc “tôi mặc cái áo mới này”) mà người nói đã cố tình thêm vào câu nói.* 2. *Câu:”Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước đúng. Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?”: có nghĩa hàm ẩn: Anh đang nói khoác. Chúng ta có thể nhận ra nghĩa hàm ẩn này là nhờ vào tri thức nền: Trên đời này không có con rắn vuông bốn góc.*   Bài tập 2:   1. -Nghĩa hàm ẩn trong câu nói: Người chủ nhà muốn người đày tớ vận cái khố tải vào người, khi nào khát thì vặn ra mà uống.   - Nghĩa hàm ẩn được thể hiện trong câu nói ngay sau đó: “Vận vào…mà uống”.   1. Hàm ý của người đày tớ được thể hiện trong câu nói tiếp theo: “ Dạ, vắt cổ chày cũng ra nước !” ( Mỉa mai chủ nhà quá keo kiệt) 2. Truyện cười “Vắt cổ chày ra nước” giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn ý nghĩa của thành ngữ: “Vắt cổ chày ra nước” (quá keo kiệt)   Bài tập 3:   1. Nghĩa hàm ẩn của câu:“Ông *lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?"* được thể hiện qua lượt thoại tiếp theo của người vợ: “ Ông chả biết tính toán gì cả, giấy khổ to bỏ đi còn gói hàng, chứ giấy khổ nhỏ thì dùng làm gì được”. Ở câu nói này, người vợ đã trêu đùa người chồng về khả năng viết lách của ông: bản thảo có thể bỏ đi. 2. Thầy đồ không hiểu đúng câu nói của vợ mình. Điều này thể hiện qua chi tiết: “ Thầy đồ lấy làm đắc chí… giấy khổ nhỏ không đủ chép”. 3. Không. Vì: Hàm ý và suy ý có thể khác nhau. Điều này phụ thuộc vào kiến thức nền, kĩ năng ngôn ngữ của mỗi người.   Bài tập 4:  HS tự sưu tầm.  VD: Truyện cười: Chiếm hết chỗ  Bài tập 5:   1. Từ “nom” được sử dụng ở vùng miền   Bắc. Tác dụng: tô đậm sắc thái địa phương; làm cho nhân vật trở nên chân thật, sinh động hơn.   1. Từ “thiệt thà” được sử dụng ở vùng miền Trung và miền Nam: làm cho màu sắc Nam Bộ hiện ra rõ nét. 2. Giả đò, ngò, ngó lơ: được sử dụng ở vùng miền Nam: đã làm nên màu sắc riêng cho câu ca dao. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP (5 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức, kĩ năng tham gia thảo luận ý kiến về nghĩa hàm ẩn.

**b) Nội dung:**

- GV ra bài tập.

- HS làm bài tập.

**c) Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ****:* (GV giao bài tập cho HS)

1. Viết một đoạn hội thoại (khoảng ba đến bốn câu) trong đó có ít nhất một câu có nghĩa hàm ẩn.

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của bài tập.

- HS thực hiện nhiệm vụ và chia sẻ ý kiến của mình.

***B3: Báo cáo, thảo luận***

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm.

- HS đứng tại chỗ để trình bày. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung.

***B4: Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét đoạn văn của HS.

**Ví dụ về đoạn văn có sử dụng hàm ẩn:**

Giờ ra chơi, Hùng rủ Phong:

- Chiều nay học có hai tiết, bạn có ở lại đá banh với tụi mình không?

Phong nói:

- Học xong, mẹ tớ đến đón rồi.

Hùng tiếp lời:

-Vậy thôi bạn về trước đi nhé!

Thế rồi chúng em ra về.

***Câu văn có nghĩa hàm ẩn:*** Học xong, mẹ tớ đến đón rồi.

Hàm ý: Tớ không ở lại đá banh với các cậu được.

1. **HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG (5 phút)**
2. **Mục tiêu:**

Học sinh hiểu và trân trọng những từ ngữ của địa phương mình.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập và vận dụng kiến thức bài học vào cuộc sống bản thân.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** Giáo viên giao bài tập cho HS ( bài tập 6). Có thể cho HS về nhà làm.

Viết một đoạn hội thoại (khoảng ba đến bốn câu) trong đó có ít nhất một câu có nghĩa hàm ẩn và một từ ngữ địa phương nơi em sống.

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

***B3: Báo cáo, thảo luận***

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày

- HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

***B4: Kết luận, nhận định****:* GV nhận xét bài làm của HS.

***Ví dụ đoạn hội thoại:***

Giờ tan học, Lan rủ Hoa:

- Mai được nghỉ học, bạn sang nhà tôi chơi nhé!

Hoa trả lời:

- Mai **tui** phải coi nhà cho mẹ rồi.

Lan nói tiếp:

- Vậy chủ nhật tuần sau nhé!

Hoa trả lời:

- Chắc được á!

Sau đó, chúng tôi trở về nhà với một tậm trạng thật vui!

***Câu văn có nghĩa hàm ẩn và từ địa phương:*** Mai **tui** phải coi nhà cho mẹ rồi.

- ***Từ địa phương: tui***

***Nghĩa hàm ẩn: Tôi không đi chơi với bạn được.***

* **Dặn dò: (3 phút)**
* Đối với bài học tiết này:
* Đọc lại bài, nắm kĩ các nội dung đã học về nghĩa tường minh và hàm ẩn, chức năng và giá trị của từ ngữ địa phương và các bài tập đã làm.
* Đối với bài học tiết sau: Đọc bài: **Đọc mở rộng theo thể loại: “Văn hay”.**
* Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.
* Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chỉnh thể tác phẩm.
* Nêu được những thay đổi, suy nghĩ, tình cảm, của bản thân sau khi đọc tác phẩm.

**IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO DÀNH CHO HỌC SINH:**

**V. RÚT KINH NGHIỆM**